

Số: /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về lập, chấp hành, quyết toán và chế độ báo cáo công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025; số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5962/TTr-STC ngày 26/5/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về lập, chấp hành, quyết toán và chế độ báo cáo công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về lập, chấp hành, quyết toán và chế độ báo cáo công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Thanh Hóa;
- Trung tâm Công báo, Website tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (TĐN53450).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

QUY ĐỊNH

Về lập, chấp hành, quyết toán và chế độ báo cáo công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng
năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung về lập, chấp hành, quyết toán và chế độ báo cáo công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

- Thời gian lập lại dự toán; thời gian lập, gửi dự toán; báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính.
- Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách.
- Rút dự toán chi bổ sung từ ngân sách cấp trên.
- Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước.
- Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I.
- Chế độ báo cáo công khai ngân sách.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Lập dự toán ngân sách nhà nước

- Thời gian lập và gửi dự toán ngân sách

a) Đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

- Căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, đơn vị dự toán cấp I tổng hợp dự toán của đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị trực thuộc gửi Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số), Sở chủ chương trình mục

tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) trước ngày 25 tháng 6 hàng năm.

- Sở Khoa học và Công nghệ, Sở chủ chương trình mục tiêu quốc gia gửi báo cáo tổng hợp đến Sở Tài chính trước ngày 01 tháng 7 hàng năm.

b) Đối với UBND cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến thống nhất về dự toán ngân sách địa phương trước khi gửi Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số), Sở chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia) trước ngày 25 tháng 6 hàng năm.

2. Thời gian lập và gửi báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính: Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gửi báo cáo kế hoạch tài chính năm sau đến Sở Tài chính trước ngày 01 tháng 7 hàng năm.

3. Thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã

a) Trường hợp dự toán ngân sách cấp xã và phương án phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

b) Trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các xã, phường chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 6 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã trình dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp xã chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày được giao dự toán để Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. Trường hợp chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 4. Chấp hành ngân sách nhà nước

1. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách

Đơn vị dự toán cấp I giao dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc theo mẫu B, mẫu C Phụ lục II, các mẫu biểu số 47, 48 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng thời gửi cơ quan tài chính để kiểm tra (kèm theo các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán theo các mẫu biểu từ số 01 đến số 05 kèm theo Quyết định này; Bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ và dự

toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có) so với khi lập dự toán), gửi Kho bạc Nhà nước khu vực quản lý địa bàn cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch (chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.

2. Rút dự toán chi bổ sung từ ngân sách cấp trên

a) Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã: Cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã: Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả cho ngân sách tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm trước theo mẫu biểu số 06 kèm theo Quyết định này; thời gian gửi báo cáo trước ngày 05 tháng 3 hàng năm.

b) Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 07 kèm theo Quyết định này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; thời gian gửi báo cáo trước ngày 15 tháng cuối của quý.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ hàng quý báo cáo Sở Tài chính về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 08 đến số 10.01, 10.02 kèm theo Quyết định này; thời gian gửi báo cáo trước ngày 15 tháng cuối của quý.

d) Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hàng tháng báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa

phương theo mẫu biểu số 11, 12 kèm theo Quyết định này, thời gian gửi báo cáo trước ngày 15 hàng tháng; định kỳ hàng quý báo cáo cơ quan tài chính cấp trên tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu theo mẫu biểu số 13 kèm theo Quyết định này, thời gian gửi báo cáo trước ngày 05 tháng đầu tiên của quý sau.

Điều 5. Thời gian gửi báo cáo quyết toán

1. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I:

a) Đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh: Trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

b) Đơn vị dự toán cấp I thuộc xã: Trước ngày 20 tháng 02 năm sau.

2. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị sử dụng ngân sách các cấp, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý của đơn vị dự toán cấp I: Trước ngày 15 tháng 02 năm sau.

Điều 6. Công khai ngân sách nhà nước

1. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã: Theo mẫu biểu quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quy định này.

2. Chế độ báo cáo công khai

Các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh, Ủy ban nhân các xã, phường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tên đơn vị...
Chương...

Mẫu biểu số 01

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)					Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý				
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	...	
A	B	1	2	3=4+5+6+...	4	5	6	7
I	Cơ sở phân bổ							
1	Biên chế							
-	Biên chế được giao							
-	Biên chế thực tế có mặt tại thời điểm tính dự toán							
-	Biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ							
2	Lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ							
-	Lao động hợp đồng được giao							
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tính dự toán							
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ							
II	Tổng kinh phí phân bổ							
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ							
a	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương							
-	Quỹ lương của số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao							
-	Quỹ lương của số biên chế chưa tuyển, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao							
b	Tiền công của lao động hợp đồng							

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
-	Tiền công của lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ						
-	Tiền công của lao động hợp đồng chưa tuyển, trong phạm vi được cấp có thẩm quyền giao						
c	Nhiệm vụ theo định mức						
-	Định mức biên chế						
-	Định mức lao động hợp đồng						
d	Quỹ tiền thưởng						
đ	Các nhiệm vụ đặc thù thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định (nếu có) (1)						
-	Nhiệm vụ ...						
-	Nhiệm vụ ...						
-	...						
2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (2)						
-	Nhiệm vụ ...						
-	Nhiệm vụ ...						
-	...						

Ghi chú:

- (1), (2) kèm theo tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán đối với từng nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền; tổng dự toán đã được phê duyệt, dự toán đã bố trí (nếu có), dự toán phân bổ lần này.
- Đối với nội dung bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.
- Đối với nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ: thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và quy định phân cấp của tỉnh.

Tên đơn vị...

Mẫu biểu số 02

Chương...

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM ...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)					Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý				
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	...	
A	B	1	2	3=4+5+6+...	4	5	6	7
A	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Dự toán thu							
1	Lệ phí							
-	Lệ phí...							
-	Lệ phí...							
-	...							
2	Phí							
-	Phí...							
-	Phí...							
-	...							
II	Nộp NSNN							
1	Lệ phí							
-	Lệ phí...							
-	Lệ phí...							
-	...							
2	Phí							
-	Phí...							
-	Phí...							
-	...							

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
-	Nội dung...						
-	Nội dung...						
-	...						
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
-	Nội dung...						
-	Nội dung...						
-	...						
B	Dự toán chi sự nghiệp						
I	Cơ sở phân bổ						
1	Số lượng người làm việc						
-	Số lượng người làm việc được giao						
-	Số lượng người làm việc thực tế						
-	Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm phân bổ (trong chỉ tiêu được giao)						
2	Lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ						
-	Lao động hợp đồng được giao						
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tính dự toán						
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ						
3	Số học sinh/học viên						
-	Số học sinh/học viên được giao						
-	Số học sinh/học viên có mặt tại thời điểm tính dự toán						

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
-	Số học viên bình quân tính dự toán						
-	Số học sinh/học viên thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ						
II	Chi thường xuyên NSNN						
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
a	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương						
-	Quỹ lương của số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao						
-	Quỹ lương của số biên chế chưa tuyển, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao						
b	Định mức phân bổ theo học sinh/học viên						
c	Quỹ tiền thưởng						
d	Các nhiệm vụ đặc thù thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định (nếu có) (1)						
-	Nhiệm vụ ...						
-	Nhiệm vụ ...						
-	...						
2	Chi thực hiện chế độ, chính sách an sinh giáo dục						
-	Cấp bù miễn giảm học phí						
+	Số học sinh/sinh viên						
+	Kinh phí						
-	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật						
+	Số học sinh/sinh viên						
+	Kinh phí						
+	...						

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
3	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (2)						
-	Nội dung ...						
-	Nội dung ...						
-	...						

Ghi chú:

- (1), (2) kèm theo tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán đối với từng nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền; tổng dự toán đã được phê duyệt, dự toán đã bố trí (nếu có), dự toán phân bổ lần này.
- Đối với nội dung bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.
- Đối với nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ: thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và quy định phân cấp của tỉnh.
- Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể.

Tên đơn vị...

Mẫu biểu số 03

Chương...

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ - KHỎI ĐƠN VỊ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NĂM ...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)					Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý				
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	...	
A	B	I	2	3=4+5+6+...	4	5	6	7
I	Cơ sở phân bổ							
1	Số lượng người làm việc							
-	Số lượng người làm việc được giao							
-	Số lượng người làm việc thực tế							
-	Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm phân bổ (trong chỉ tiêu được giao)							
2	Số giường bệnh							
-	Số giường bệnh kế hoạch							
-	Số giường bệnh tại thời điểm tính dự toán							
-	Số giường bệnh tại thời điểm phân bổ							
II	Chi thường xuyên NSNN (1)							

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
1	Chế độ phụ cấp đặc thù						
2	Kinh phí chỉ đạo tuyển						
3	Chi mua sắm tài sản						
4	Chương trình, đề án						
	...						

Ghi chú:

- (1) kèm theo tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán đối với từng nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền; tổng dự toán đã được phê duyệt, dự toán đã bố trí (nếu có), dự toán phân bổ lần này.

- Đối với nội dung bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.

- Đối với nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ: thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và quy định phân cấp của tỉnh.

- Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể.

Tên đơn vị...
Chương...

Mẫu biểu số 05

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP ... NĂM ...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú	
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý				
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...		...
A	B	I	2	3=4+5+6+...	4	5	6	7
A	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Dự toán thu							
1	Lệ phí							
-	Lệ phí...							
-	Lệ phí...							
-	...							
2	Phí							
-	Phí...							
-	Phí...							
-	...							
II	Nộp NSNN							
1	Lệ phí							
-	Lệ phí...							
-	Lệ phí...							
-	...							
2	Phí							
-	Phí...							
-	Phí...							
-	...							

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ						
-	Nội dung...						
-	Nội dung...						
-	...						
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ						
-	Nội dung...						
-	Nội dung...						
-	...						
B	Dự toán chi sự nghiệp y tế - khối các đơn vị y tế dự phòng						
I	Cơ sở phân bổ						
1	Số lượng người làm việc						
-	Số lượng người làm việc được giao						
-	Số lượng người làm việc thực tế						
-	Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm phân bổ (trong chỉ tiêu được giao)						
2	Lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ						
-	Lao động hợp đồng được giao						
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tính dự toán						
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ						
II	Chi thường xuyên NSNN						
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
a	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương						

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
-	Quỹ lương của số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao						
-	Quỹ lương của số biên chế chưa tuyển, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao						
b	Tiền công của lao động hợp đồng						
-	Tiền công của lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ						
-	Tiền công của lao động hợp đồng chưa tuyển, trong phạm vi được cấp có thẩm quyền giao						
c	Nghiệp vụ theo định mức						
-	Định mức biên chế						
-	Định mức lao động hợp đồng						
-	Định mức phân bổ theo Trung tâm						
-	Định mức phân bổ theo Trạm						
d	Quỹ tiền thưởng						
đ	Các nhiệm vụ đặc thù thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định (nếu có) (1)						
-	Nhiệm vụ ...						
-	Nhiệm vụ ...						
-	...						
2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (2)						
-	Nội dung ...						
-	Nội dung ...						
-	...						
C	Dự toán chi sự nghiệp Văn hóa thông tin						

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
I	Cơ sở phân bổ						
1	Số lượng người làm việc						
-	Số lượng người làm việc được giao						
-	Số lượng người làm việc thực tế						
-	Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm phân bổ (trong chỉ tiêu được giao)						
2	Lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ						
-	Lao động hợp đồng được giao						
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm tính dự toán						
-	Lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ						
II	Chi thường xuyên NSNN						
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ						
a	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương						
-	Quỹ lương của số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao						
-	Quỹ lương của số biên chế chưa tuyển, trong phạm vi biên chế được cấp có thẩm quyền giao						
b	Tiền công của lao động hợp đồng						
-	Tiền công của lao động hợp đồng thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ						
-	Tiền công của lao động hợp đồng chưa tuyển, trong phạm vi được cấp có thẩm quyền giao						
c	Nghiệp vụ theo định mức						
-	Định mức biên chế						

STT	Nội dung	Thực hiện năm...(năm trước)	Năm...(năm phân bổ)				Ghi chú
			Dự toán được cấp có thẩm quyền giao	Dự toán phân bổ cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý			
				Tổng	Đơn vị...	Đơn vị...	
-	Định mức lao động hợp đồng						
d	Quỹ tiền thưởng						
đ	Các nhiệm vụ đặc thù thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định (nếu có) (1)						
-	Nhiệm vụ ...						
-	Nhiệm vụ ...						
-	...						
2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (2)						
-	Nội dung ...						
-	Nội dung ...						
-	...						
D	Dự toán chi sự nghiệp...						

Ghi chú:

- (1), (2) kèm theo tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán đối với từng nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền; tổng dự toán đã được phê duyệt, dự toán đã bố trí (nếu có), dự toán phân bổ lần này.

- Đối với nội dung bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính.

- Đối với nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ: thực hiện phân bổ đảm bảo đầy đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ và quy định phân cấp của tỉnh.

- Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể.

UBND xã, phường...

Mẫu biểu số 06

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Dùng cho UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	$I=2+3$	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			

Tên đơn vị...

Mẫu biểu số 07

Chương...

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ ... NĂM...

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so dự toán (%)
			Quý...	Lũy kế ...	
A	B	1	2	3	4=3/1
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>				
A	THU PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Tổng thu				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
2	Thu phí được để lại đơn vị				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
	<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
B	DỰ TOÁN CHI NSNN				
B.1	CHI CÂN ĐỐI NSDP				
I	Chi thường xuyên				
1	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao tự chủ				
-	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương				
-	Tiền công của lao động hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ				
-	Nhiệm vụ theo định mức				
-	Quỹ tiền thưởng				
-	Các nhiệm vụ đặc thù thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ theo quy định (nếu có)				
	<i>(chi tiết theo các khoản chi)</i>				
	...				
b	Kinh phí không giao tự chủ				
	<i>Chi tiết theo các khoản chi</i>				
2	Chi quốc phòng (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))				
3	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))				
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))				
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))				
6	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))				
7	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))				

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so dự toán (%)
			Quý...	Lũy kế ...	
8	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))</i>				
9	<i>Chi sự nghiệp thể dục, thể thao (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))</i>				
10	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))</i>				
11	<i>Chi các hoạt động kinh tế (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))</i>				
12	<i>Chi bảo đảm xã hội (chi tiết theo các nội dung chi như mục 1 (nếu có))</i>				
13	<i>Chi thường xuyên khác...</i>				
				
II	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN				
1	<i>Chi các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể</i>				
2	<i>Chi quốc phòng</i>				
3	<i>Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội</i>				
4	<i>Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>				
5	<i>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i>				
6	<i>Chi y tế, dân số và gia đình</i>				
7	<i>Chi văn hóa thông tin</i>				
8	<i>Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>				
9	<i>Chi thể dục, thể thao</i>				
10	<i>Chi bảo vệ môi trường</i>				
11	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>				
12	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>				
13	<i>Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật</i>				
II	CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG, TÍNH GIÁN BIẾN CHẾ				
B.2	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				
1	<i>Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án</i>				
2	<i>Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách</i>				
3	<i>Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia</i>				
-	Chi đầu tư				
+	Dự án.....				
+	Dự án.....				
-	Chi thường xuyên				
+	Nội dung....				
+	Nội dung....				

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ ...NĂM ...

(Dùng cho UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
II	Thu từ các khoản huy động, đóng góp					
III	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp					
1	Các khoản thu NSX hưởng 100%					
2	Thuế GTGT (phần NSX hưởng)					
3	Các khoản thu phân chia NSX theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu kết dư					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Dự phòng NSNN					
4	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ ... NĂM...

(Dùng cho UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>					
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách					
II	Thu viện trợ					
III	Thu huy động, đóng góp					

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ ...NĂM...

(Dùng cho UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	<u>TỔNG CHI NSDP</u>					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
	<i>Trong đó:</i>					
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
-	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước					
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất					
-	Đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết					
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					
-	Đầu tư từ nguồn.....					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước					
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất					
-	Đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết					
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					
-	Đầu tư từ nguồn.....					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi sự nghiệp kinh tế					
2	Chi quốc phòng - an ninh					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi quản lý hành chính					
6	Chi sự nghiệp VH TT, TDTT, PTTT					
7	Chi bảo đảm xã hội					
8	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số					
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
10	Chi khác ngân sách					
IV	Dự phòng ngân sách nhà nước					

STT	Nội dung	Dự toán	Ước hực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
V	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
VI	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					
-	Chi đầu tư					
-	Chi thường xuyên					

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG*(Dùng cho UBND xã, phường báo cáo Sở Tài chính)**(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1-2</i>
	Tổng số			
1	Chi đầu tư phát triển			
	Chi tiết từng nội dung			
2	Chi thường xuyên			
	Chi tiết từng nội dung			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG ... NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính báo cáo UBND cùng cấp)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Lũy kế thực hiện đến tháng n-1	Ước thực hiện		Ước thực hiện hết tháng n so với (%)	
				Tháng n	Lũy kế đến tháng n	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3	4	5=4/1	5
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN						
I	Thu nội địa						
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN						
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh						
4	Thuế thu nhập cá nhân						
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Các loại phí, lệ phí						
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>						
7	Các khoản thu về nhà, đất						
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>						
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>						
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>						
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>						
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>						
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển						
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công						
10	Thu từ hoạt động xổ số						
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển						
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước						
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>						

STT	Nội dung	Dự toán	Lũy kế thực hiện đến tháng n-1	Ước thực hiện		Ước thực hiện hết tháng n so với (%)	
				Tháng n	Lũy kế đến tháng n	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>						
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác						
14	Thu khác ngân sách						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu						
7	Thuế khác						
IV	Thu viện trợ						
V	Thu huy động, đóng góp						

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN THÁNG ...NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính báo cáo UBND cùng cấp)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Lũy kế thực hiện đến tháng n-1	Ước thực hiện		Ước thực hiện hết tháng n so với (%)	
				Tháng n	Lũy kế đến tháng n	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	$\frac{5-4}{1}$	5
	TỔNG CHI NSDP						
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP						
I	Chi đầu tư phát triển						
	<i>Trong đó:</i>						
-	<i>Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>						
-	<i>Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i>						
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực						
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước						
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
-	Đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết						
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương						
-	Đầu tư từ nguồn.....						
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia						
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước						
-	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
-	Đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết						
-	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương						
-	Đầu tư từ nguồn.....						
II	Chi trả nợ lãi						
III	Chi thường xuyên						
1	Chi sự nghiệp kinh tế						
2	Chi quốc phòng - an ninh						
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi quản lý hành chính						
6	Chi sự nghiệp VH TT, TDTT, PTTT						
7	Chi bảo đảm xã hội						
8	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						

STT	Nội dung	Dự toán	Lũy kế thực hiện đến tháng n-1	Ước thực hiện		Ước thực hiện hết tháng n so với (%)	
				Tháng n	Lũy kế đến tháng n	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
10	Chi khác ngân sách						
IV	Chi cho vay						
V	Chi viện trợ						
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước						
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế						
IX	Các nhiệm vụ chi khác						
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSĐP						
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án						
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách						
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia						
-	Chi đầu tư						
-	Chi thường xuyên						

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN
QUÝ... NĂM...**

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số cấp trên bổ sung	Số đã phân bổ		Còn lại	Quyết định bổ sung của cấp trên
			Quý...	Lũy kế...		
A	B	I	2	3	4	5
	Tổng số					
I	Bổ sung có mục tiêu (dự toán giao đầu năm)					
	Chi tiết từng nội dung					
II	Bổ sung có mục tiêu (bổ sung trong năm)					
	Chi tiết từng nội dung					